

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
các hạng mục bổ sung của Dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp
một số đường tỉnh bị hư hỏng nặng
Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh
miền Trung - tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về việc Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/5/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số đường tỉnh bị hư hỏng nặng thuộc Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4451/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng, Dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số đường tỉnh bị hư hỏng nặng thuộc Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 14/TTr-BQL ngày 30/01/2019 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 159/SGTVT-GT ngày 30/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng, các hạng mục bổ sung của Dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp một số đường tỉnh

bị hư hỏng nặng thuộc Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

2. Tên dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp một số đường tỉnh bị hư hỏng nặng.

Các hạng mục công trình:

- Tuyến đường ĐH.34 (Đập Đá – Tây Vinh), đoạn từ cầu Thị Lụa đến giáp cầu An Vinh;

- Khôi phục, sửa chữa và nâng cấp đường Tân Dân – Bình Thạnh (ĐH.35);

- Khôi phục, sửa chữa và nâng cấp tuyến giao thông kết nối từ ĐT.631 (Chợ Cảnh Hàng, xã Nhơn Phong) đi cầu Phú Đa;

- Khôi phục, sửa chữa tuyến đường ĐT.631 (đoạn từ Cây xăng dầu Cẩm Vy, xã Nhơn Hạnh đến giáp đường ĐT.640);

- Khôi phục sửa chữa đường trục Khu Kinh tế Nhơn Hội.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, Cấp III.

4. Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Cát, Tây Sơn, Hoài Ân, An Lão, Tuy Phước, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định, địa chỉ số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256. 3814701; Fax: 0256. 3814701.

6. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Giao thông Bình Định.

7. Chủ nhiệm lập báo cáo khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

- Chủ nhiệm thiết kế: Kỹ sư Phan Thanh Thắng.

- Chủ nhiệm khảo sát: Kỹ sư Phan Xuân Tiềm.

- Chủ trì thiết kế: Kỹ sư Nguyễn Đình Thép, Nguyễn Thanh Triều.

- Chủ nhiệm dự toán: Kỹ sư Lê Đình Hanh.

8. Quy mô và giải pháp sửa chữa, nâng cấp chủ yếu của công trình:

a) Tuyến đường ĐH.34 (Đập Đá – Tây Vinh), đoạn từ cầu Thị Lụa đến giáp cầu An Vinh

- *Quy mô xây dựng:* Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường hiện trạng theo tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng (TCVN 4054-2005).

+ Chiều dài tuyến : $L = 4,69 \text{ km}$

+ Tốc độ thiết kế : $V_{tk} = 30 \text{ km/h.}$

+ Bề rộng nền đường : $B_n = 6,5 \text{ m.}$

+ Bề rộng mặt đường + lề gia cố : $B_m = 5,5 \text{ m.}$

+ Bề rộng lề không gia cố : $B_{lkgc} = 0,5 \text{ m} \times 2 = 1,0 \text{ m.}$

- + Dốc ngang mặt đường : $I_m = 1,5\%$
- + Dốc ngang lề đất : $I_{lề đất} = 4\%$
- + Tải trọng thiết kế cầu bản : 0,65HL93

- Phần nền, mặt đường

Tận dụng nền đường cũ, sửa chữa, mở rộng mặt đường theo yêu cầu thiết kế:

+ Phần mặt đường cũ: Tận dụng mặt đường hiện trạng còn tốt, tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{Kg/m}^2$, bù vênh và thảm tăng cường bằng BTN C19 dày 5cm.

+ Phần mặt đường mở rộng và sửa chữa hư hỏng mặt đường: Lớp sát móng bằng đất CPĐ đầm K98 dày 30cm; lót giấy dầu, xây dựng lớp BTXM M300, đá 2x4, dày 20cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{Kg/m}^2$ và thảm lớp BTN C19 dày 5cm.

+ Nút giao, đường giao: vuốt nổi nhằm tạo sự êm thuận và đảm bảo ATGT cho phương tiện lưu thông ra vào nút giao.

- Công trình thoát nước:

+ Xây dựng cầu bản hộp $L=2 \times 6\text{m}$ tại lý trình $\text{Km}1+474,28$; khổ cầu $K = 6\text{m} + 2 \times 0,25\text{m} = 6,5\text{m}$. Kết cấu bằng BTCT.

+ Xây dựng cống bản hộp $L = 2,0\text{m}$ tại lý trình $\text{Km}3+112,87$. Kết cấu bằng BTCT.

+ Xây dựng mới và nối dài đảm bảo khổ nền đường: 03 cống vuông KT (50x50)cm; 03 cống tròn khẩu độ Ø60 và 02 cống tròn Ø80.

+ Xây dựng rãnh thoát nước dọc hình chữ nhật bằng BTCT mác 200, đá 1x2, tấm đan rãnh bằng BTCT mác 250, đá 1x2.

- An toàn giao thông: Xây dựng tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

b) Khôi phục, sửa chữa và nâng cấp đường Tân Dân – Bình Thạnh (ĐH.35)

- Quy mô xây dựng: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường hiện trạng theo tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng (TCVN 4054-2005).

- + Chiều dài tuyến : $L = 11,43 \text{ km}$
- + Tốc độ thiết kế : $V_{tk} = 30\text{km/h}$.
- + Bề rộng nền đường : $B_n = 6,5\text{m}$.
- + Bề rộng mặt đường+lề gia cố : $B_m = 5,5\text{m}$.
- + Bề rộng lề không gia cố : $B_{lkgc} = 0,5\text{m} \times 2 = 1,0\text{m}$.
- + Dốc ngang mặt đường : $B_m = 1,5\%$
- + Dốc ngang lề đất : $I_{lề đất} = 4\%$

- Phần nền, mặt đường

Tận dụng nền đường cũ, sửa chữa, mở rộng mặt đường theo yêu cầu thiết kế:

+ Phần mặt đường cũ: Tận dụng mặt đường hiện trạng còn tốt, tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{Kg/m}^2$, bù vênh và thảm tăng cường bằng BTN C19 dày 5cm.

+ Phần mặt đường mở rộng và sửa chữa hư hỏng mặt đường: Lớp sát móng bằng đất CPĐ đầm K98 dày 30cm; lót giấy dầu, xây dựng lớp BTXM M300, đá 2x4, dày 20cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{Kg/m}^2$ và thảm lớp BTN C19 dày 5cm.

+ Nút giao, đường giao: vuốt nối nhằm tạo sự êm thuận và đảm bảo ATGT cho phương tiện lưu thông ra vào nút giao.

- Công trình thoát nước:

+ Xây dựng mới và nối dài đảm bảo khổ nền đường: 03 cống tròn Ø60.

+ Xây dựng 10 cái cống vuông KT (50x50)cm trên tuyến.

+ Xây dựng rãnh thoát nước dọc hình chữ nhật bằng BTCT mác 200, đá 1x2, tấm đan rãnh bằng BTCT mác 250, đá 1x2.

- An toàn giao thông: Xây dựng tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

c) Khôi phục, sửa chữa và nâng cấp tuyến giao thông kết nối từ ĐT.631 (Chợ Cảnh Hàng, xã Nhơn Phong) đi cầu Phú Đa:

- Quy mô xây dựng: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường hiện trạng theo tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng (TCVN 4054:2005).

+ Chiều dài tuyến : $L = 3,03\text{km}$

+ Tốc độ thiết kế : $V_{tk} = 30\text{km/h.}$

+ Bề rộng nền đường : $B_{nền} = 6,5\text{m.}$

+ Bề rộng mặt đường + lề gia cố : $B_{mặt} = 5,5\text{m.}$

+ Bề rộng lề không gia cố : $B_{lề} = 0,5\text{m} \times 2 = 1,0\text{m.}$

+ Dốc ngang mặt đường : $I_m = 1,5\%.$

+ Dốc ngang lề đất : $I_{lề đất} = 4\%.$

+ Tải trọng thiết kế cầu bản : 0,65HL93.

- Phần nền, mặt đường:

Tận dụng nền đường cũ, sửa chữa, mở rộng mặt đường theo yêu cầu thiết kế:

+ Phần mặt đường cũ: Tận dụng mặt đường hiện trạng còn tốt, tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{Kg/m}^2$, bù vênh và thảm tăng cường bằng BTN C19 dày 5cm.

+ Phần mặt đường bị hư hỏng: Tiến hành đào bỏ tấm BTXM, lu lèn đáy khuôn đường tăng cường đạt độ chặt K98 dày 30cm; lót giấy dầu, xây dựng lớp BTXM M250, đá 2x4, dày 20cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{Kg/m}^2$ và thảm lớp BTN C19 dày 5cm.

+ Phần mặt đường mở rộng: Lớp sát móng bằng đất CPĐ đầm K98 dày 30cm; lót giấy dầu, xây dựng lớp BTXM M250, đá 2x4, dày 20cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{Kg/m}^2$ và thảm lớp BTN C19 dày 5cm.

+ Nút giao, đường giao: vuốt nổi nhằm tạo sự êm thuận và đảm bảo ATGT cho phương tiện lưu thông ra vào nút giao.

- Công trình thoát nước:

+ Xây dựng 02 cầu bản hộp $L = 6\text{m}$ tại các lý trình Km0+997,59 và Km1+981,3; khổ cầu $K = 6\text{m} + 2 \times 0,25\text{m} = 6,5\text{m}$. Kết cấu bằng BTCT.

+ Xây dựng cống bản hộp $L = 4,0\text{m}$ tại lý trình Km2+297,74. Kết cấu bằng BTCT.

+ Xây dựng 01 cống tròn Ø60, 01 cống tròn Ø80

+ Sửa chữa cống bản hiện trạng tại Km2+989,28.

- An toàn giao thông: Xây dựng tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

d) Khôi phục, sửa chữa tuyến đường ĐT.631 (đoạn từ Cây xăng dầu Cẩm Vy, xã Nhơn Hạnh đến giáp đường ĐT.640):

- Quy mô xây dựng: Giữ nguyên cấp đường và nền mặt đường hiện trạng, tiến hành sửa chữa các hư hỏng cục bộ mặt đường và bù vênh, thảm tăng cường 01 lớp BTN C19 trên toàn bộ phạm vi mặt đường.

- Kết cấu mặt đường:

+ Sửa chữa cục bộ mặt đường cũ: Đào bỏ tấm BTXM cũ hư hỏng; lu tăng cường lớp móng đường đạt K98, dày 30cm; lót giấy dầu, xây dựng lớp BTXM M250, đá 2x4, dày 20cm;

+ Kết cấu thảm tăng cường: tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5Kg/m²; bù vênh và thảm tăng cường lớp bê tông nhựa C19 dày 5cm.

- An toàn giao thông: Xây dựng tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

e) Khôi phục sửa chữa đường trục Khu Kinh tế Nhơn Hội:

Tuyến chính: Điểm đầu tuyến tại đầu nút Hang Dơi (nút N1), điểm cuối tuyến tại đầu nút T24 thuộc đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội, $L = 14,65\text{ km}$

- Quy mô xây dựng: Giữ nguyên nền mặt đường hiện trạng, tiến hành sửa chữa các vị trí hư hỏng mặt đường và thảm tăng cường 01 lớp BTN C12,5 trên toàn tuyến.

- Kết cấu sửa chữa, thảm tăng cường mặt đường

+ Xử lý hư hỏng đoạn đường Km1+701,52 -:- Km2+237,20 (làn bên trái tuyến):

Đào bỏ mặt đường cũ hư hỏng, chiều dày trung bình 22cm;

Lu tăng cường lớp móng nền đường cũ đầm chặt K98, dày 30cm;

Đổ BTXM M300 đá 2x4, dày 22cm.

+ Xử lý hư hỏng cục bộ các vị trí trên mặt đường:

Đào bỏ mặt cũ chiều dày trung bình 30cm;

Xây dựng lớp CPDD loại 1 Dmax 25 dày 20cm;

Tưới nhựa dính bám 1,0 Kg/m²; Xây dựng lớp BTN C19 dày 10cm.

+ Sau khi sửa chữa các hư hỏng mặt mặt đường, tiến hành bù vênh, thảm tăng cường 01 lớp BTN C12,5 dày 5cm trên toàn tuyến.

Tuyến nhánh (đường Chuyên dụng phía Tây – KKT Nhơn Hội):
Điểm đầu tuyến tại Km4+120 của Đường Chuyên dụng phía Tây – Khu Kinh tế Nhơn Hội; điểm cuối tiếp giáp với đường ĐT.639, L = 3,40 km

- *Quy mô xây dựng:* Xây dựng đoạn tuyến theo các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu sau:

+ Bề rộng nền đường: : $B_n = 14,0m$.

+ Bề rộng mặt đường: : $B_m = 7,0m$.

+ Dốc ngang mặt đường : $I_m = 2\%$.

+ Bề rộng lề bên phải: : $B_{lp} = 6,0m$.

+ Bề rộng lề bên trái: : $B_{lt} = 1,0m$.

- *Phân nền, mặt đường*

+ Nền đường: tận dụng nền đường hiện trạng, xáo xới và lu lèn đạt độ chặt K98.

+ Kết cấu mặt đường:

Xây dựng lớp CPDD loại 1 Dmax 37,5 dày 30cm.

Xây dựng lớp CPDD loại 1 Dmax 25 dày 30cm.

Xây dựng lớp BTN C19 dày 7cm.

Xây dựng lớp BTN C12,5 dày 5cm.

+ **Công trình thoát nước:** Xây dựng hệ thống thoát nước mưa mặt đường

Cống thoát nước mưa dùng cống bê tông ly tâm với đường kính từ D80÷D100, bố trí hố ga thu nước mưa dọc hai bên mép bó vỉa. Các cống qua đường đặt cống H30, cống trên vỉa hè đặt cống H10.

Hố ga đặt trên vỉa hè: Đổ bê tông M200 đá 2x4; tấm đan đổ bê tông M250 đá 1x2.

+ **Nút giao thông Hội Thành:** cập nhật theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công thuộc dự án Đường Chuyên dụng phía Tây – KKT Nhơn Hội đã được phê duyệt tại Quyết định số 738/QĐ-BQL ngày 27/12/2017 của Ban QL khu kinh tế tỉnh.

+ **An toàn giao thông:** Xây dựng tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

(Chi tiết theo hồ sơ thiết kế BVTC-DT do đơn vị tư vấn lập).

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 252.152.668.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

1	Chi phí xây dựng	:	207.703.600.000	đồng
2	Chi phí quản lý dự án	:	2.271.900.000	đồng

3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	10.491.276.000	đồng
4	Chi phí khác	:	13.928.134.000	đồng
5	Chi phí dự phòng	:	17.757.758.000	đồng

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) và vốn đối ứng.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2017-2020.

12. Phương thức thực hiện: Theo quy định của Nhà tài trợ Ngân hàng Thế giới (WB), Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

(Chi tiết theo Hồ sơ thiết kế BVTC do tư vấn lập)

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định của Nhà tài trợ Ngân hàng Thế giới (WB).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Phù Cát, Tây Sơn, Hoài Ân, An Lão, Tuy Phước, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *Me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K10, K19 (18b). *me*



Trần Châu